

**DANH SÁCH MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ XÃ CẨM CHẾ, HUYỆN THANH HÀ**

Số TT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trên phần mềm		Mức phí, lệ phí theo quy		Căn cứ pháp lý	Mức độ	Đối chiếu trên cổng dịch vụ công quốc gia
			Lệ phí	Phí	Lệ phí	Phí			
I.	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC								
1	2.000815.000.00.00H23	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Không	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	3	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản
2	2.000884.000.00.00H23	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Lệ phí: 10.000 đồng /trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Không	Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	3	Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)

3	2.000913.000. 00.00H23	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Lệ phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Không	Lệ phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn		Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	3	Lệ phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn
4	2.000927.000. 00.00H23	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Lệ phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Không	Lệ phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	3	Lệ phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

5	2.000942.000. 00.00H23	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Không	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	4	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản
6	2.001035.000. 00.00H23	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Lệ phí: 50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,	Không	Lệ phí: 50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	3	Lệ phí: 50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch
7	2.001019.000. 00.00H23	Thủ tục chứng thực di chúc	Lệ phí: 50.000 đồng/di chúc.	Không	Lệ phí: 50.000 đồng/di chúc.	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định	3	Lệ phí: 50.000 đồng/di chúc.
8	2.001016.000. 00.00H23	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản.	Không	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản.	Không		3	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản.
9	2.001406.000. 00.00H23	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	Không	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	Không	Thông tư 226/2016 /TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định	3	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản

10	2.001009.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	Không	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	Không	mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	4	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản
II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH									
1	1.000894.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn	Miễn lệ phí	- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Miễn lệ phí	- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính	4	- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.
2	1.000593.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	Không	Miễn lệ phí			4	
			Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (Nếu có yêu	Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (Nếu có yêu	Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/		- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (Nếu có yêu cầu) 8.000 đồng/ bản sao.

3	1.004884.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai sinh	Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	cầu) 8.000 đồng/ bản sao.	Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	cầu) 8.000 đồng/ bản sao.	2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; Nghị quyết 17/2016 /NQ-HĐND	3	
4	1.001022.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Lệ phí 10000 đồng/lần. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	Phí cấp bản sao trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) 8000 đồng/ bản sao	Lệ phí 10000 đồng/lần. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	- Phí cấp bản sao trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	ngày 05/10 /2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	3	Lệ phí 10000 đồng/lần. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật
5	1.000689.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Lệ phí: 15.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Trích lục khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Lệ phí: 15.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Trích lục khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thông tư số 281/2016 /TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019 /TT-BTC ngày 29/11 /2019 của Bộ Tài chính;	3	Phí cấp bản sao Trích lục khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. Lệ phí 15000
			- Lệ phí: 5.000 đồng/lần	- Phí cấp bản sao	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần	- Phí cấp bản sao	Thông tư số 106/2021 TT-BTC		

6	1.000656.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai tử	Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	ngày 26/11/ 2021 của Bộ Tài chính Nghị quyết 17/2016 /NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế	3	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần
7	1.003583.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Không	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		Thông tư số 281/2016 /TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019 /TT-BTC ngày 29/11 /2019 của Bộ Tài chính: Thông tư số 106/ 2021 TT-BTC ngày 26/11/ 2021 của Bộ Tài chính Nghị quyết 17/2016 /NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của	3	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần
			- Lệ phí: 5.000 đồng/lần		- Lệ phí: 5.000 đồng/lần				

8	1.000419.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Không	Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND	3	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần
9	1.004837.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký giám hộ	Không		Miễn lệ phí	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Thông tư số 281/2016 /TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019 /TT-BTC ngày 29/11 /2019 của Bộ Tài chính: Thông tư số 106/ 2021 TT-BTC ngày 26/11/ 2021 của Bộ Tài chính	4	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.
10	1.004845.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ.	Không	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Miễn lệ phí	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Nghị quyết 17/2016 /NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định	4	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.
			- Lệ phí: 10.000 đồng./lần	- Phí cấp bản sao	- Lệ phí: 10.000 đồng./lần	- Phí cấp bản sao			

11	1.004859.000.00.00.H23	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Trích lục thay đổi Hộ tịch, Trích lục cải chính hộ tịch,	Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Trích lục thay đổi Hộ tịch, Trích lục cải chính hộ tịch,	của HĐND	3	- Lệ phí: 10.000 đồng./lần
12	1.004873.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Lệ phí: 10.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Không	Lệ phí: 10.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		Thông tư số 281/2016 /TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019 /TT-BTC ngày 29/11 /2019 của Bộ Tài chính: Thông tư số 106/ 2021 TT-BTC ngày 26/11/ 2021 của Bộ Tài chính Nghị quyết 17/2016 /NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND	3	Lệ phí: 10.000 đồng/lần
13	1.004884.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	- Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản	- Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản		3	#NAME?
14	1.004772.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	- Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.		3	- Lệ phí: 5.000 đồng./lần

15	1.004746.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Lệ phí: 25.000 đồng/lần	Không	Lệ phí: 25.000 đồng/lần		Nghị quyết 17/2016/NQ- HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban	3	Lệ phí: 25.000 đồng/lần
			Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.				
16	1.005461.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại khai tử	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần	Phí cấp bản sao giấy khai tử (nếu có yêu cầu) 8.000 đồng/bản sao trích	hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	3	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần
			Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.				
17	2.000635.000. 00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Không	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký		Thông tư số 281/2016 /TT- BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 85/2019 /TT-BTC ngày 29/11 /2019 của Bộ Tài chính:	4	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký
			Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.				
18	2.002516.000.	Thủ tục xác nhận thông tin	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Không	- Lệ phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký		Thông tư số 106/ 2021 TT-BTC ngày 26/11/ 2021 của Bộ Tài chính	2	- Lệ phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một

10	00.00.H23	hộ tịch	Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Không	Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.			việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký
19	2.000986.000.00.00.H23	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Không	Lệ phí Khai sinh: 5.000 đồng. Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký thường trú: 7.000 đồng/lần đăng ký Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của thương binh; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo	Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	3	Lệ phí Khai sinh: 5.000 đồng. - Đăng ký thường trú: 7.000 đồng/lần đăng ký

20	2.001023.000.00.00.H23	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Lệ phí 5000 đồng/lần. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	Không	Lệ phí 5000 đồng/lần. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật			3	Lệ phí 5000 đồng/lần.
21	HTX019	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh			- Lệ phí đăng ký khai tử: : 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: : 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.	

22	HTX017	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.		Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.
					Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;				
		Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.				- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.

23	1.008988.000.00.00.H23	hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;		- Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban	2	
24	1.008986.000.00.00.H23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/ QĐ-TTg ngày 06/12/2007		- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.		hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.

25	1.008982.000. 00.00.H23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.		Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.
					Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;				
		Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.		Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải		- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký

26	1.008981.000. 00.00.H23	miễn theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh			Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	nộp (uang ky khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.
27	1.008980.000. 00.00.H23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ- TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ- TTg ngày 06/12/2007			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	Nghị quyết 17/2016/NQ- HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.

28	1.008979.000. 00.00.H23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)			- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.		Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.
					Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi				
29	1.008978.000. 00.00.H23	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký			Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký	- Phí: 5.000	Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày	2	- Phí: 5.000 đồng/1 trường hợp
					Miễn lệ phí đối với	- Phí:			- Phí: 5.000

30	1.008977.000. 00.00.H23	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)			trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường	Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	2	đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI								
1	2.001263.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Lệ phí: 400.000đ/ trường hợp		Lệ phí: 400.000đ/ trường hợp		- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	3	Lệ phí: 400.000đ/trường hợp
IV	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA								
1	1.004088.000. 00.00.H23	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.	3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.
2	1.004047.000. 00.00.H23	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký			3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký

3	1.004036.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký		- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.	3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
4	1.004002.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký			3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
5	1.003970.000.00.00.H23	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký			3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
6	1.006391.000.00.00.H23	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký			3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
7	1.003930.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký		Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký			3	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Tạng

DANH SÁCH MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA XÃ CẨM CHẾ HUYỆN THANH HÀ

[illegible]

[illegible]

[illegible]